

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 515/2020/HC-PT

Ngày: 10 - 9 - 2020

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
về việc phê duyệt bổ sung kinh phí bồi
thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và quyết
định giải quyết khiếu nại.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Mai Thị Tú Oanh

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 170/2019/TLPT-HC ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về việc phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và quyết định giải quyết khiếu nại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2018/HCST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2100/2020/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Tấn D, sinh năm 1969. (có mặt)

Địa chỉ: tổ 2, ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Người bị kiện:

1/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Đồng Nai. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

2/. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn V1, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện V: Bà Nguyễn

Thị Tuyết L – Phó Trưởng phòng Tư pháp. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Bà Lương Thị Nh, sinh năm: 1940. (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 2, ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

2/. Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1966.

3/. Ông Nguyễn Đạt Ng, sinh năm 1966.

4/. Bà Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: tổ 2, ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà A, ông Ng, bà Th: ông Nguyễn Tấn D. (có mặt)

5/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện V: Bà Nguyễn Thị Tuyết L – Phó Trưởng phòng Tư pháp. (có mặt)

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Tấn D – người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Nguyễn Tấn D đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim A, ông Nguyễn Đạt Ng, bà Nguyễn Thị Kim Th trình bày:

Diện tích 5.798m² đất thuộc tờ bản đồ số 01, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai, có nguồn gốc do ông cố ngoại ông là cụ Huỳnh Văn A1 khai phá, canh tác từ 1962, được Ty Địa chính tỉnh Biên Hòa (chế độ cũ) cấp chứng thư quyền sở hữu ngày 05/02/1972 và Bằng khoán ngày 11/02/1972. Cụ A1 đã trực tiếp quản lý sử dụng, canh tác liên tục từ năm 1972 và thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đầy đủ. Năm 1982, cụ A1 chết, cha mẹ ông là ông Nguyễn Văn Đ và bà Lương Thị Nh thừa kế sử dụng, canh tác liên tục và thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đầy đủ cho nhà nước. Điều này đã được huyện V xác minh và những người làm chứng xác nhận là sự thật. Như vậy, toàn bộ phần đất nói trên, trong đó có 07 thửa với diện tích 5.798m² đất, gia đình ông đã thực tế sử dụng từ trước năm 1972, giá trị pháp lý này đã được pháp luật thừa nhận, theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 50 Luật đất đai 2003.

Năm 1984, cha mẹ ông có đăng ký kê khai tại xã B (cũ), được thể hiện trong tờ bản đồ địa chính số 01, xã B năm 1983. Năm 1994, cha mẹ ông làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho toàn bộ diện tích đang quản lý, sử dụng, thuộc tờ bản đồ số 11, xã T. Hội đồng xét duyệt của xã chỉ đồng ý xét đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 7.826m² đất gồm các thửa đất số 460, 461, 462, 463, 464, 465, 466, 467, 468, 459, 1118, 1119, 1113, tờ bản đồ số 11; Không xét đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho diện tích 5.798m² gồm các thửa: 437, 438, 439, 440, 441, 442, 443, tờ bản đồ địa

chính số 11, xã T hiện nay (tức là 5 thửa đất 226, 227, 233, 234 tờ bản đồ số 27 và thửa đất số 58, tờ bản đồ số 28), với lý do nguồn gốc đất là sân banh (cũ) do UBND xã quản lý.

Ông đã khiếu nại, việc không xét đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến UBND huyện V, ngày 13/8/2007 UBND huyện V ban hành Quyết định số 1507/QĐ-UBND, chấp thuận đơn khiếu nại của gia đình ông, yêu cầu UBND xã T làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông.

Nhưng sau đó, với Quyết định số 3433/QĐ-UBND ngày 09/12/2008, UBND huyện V đã thu hồi lại Quyết định số 1507/QĐ-UBND nêu trên; Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 07/4/2009 của UBND xã T, không xác nhận cho gia đình ông làm thủ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 05 thửa đất nêu trên; Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 18/8/2009 của UBND huyện V bác đơn khiếu nại của ông và công nhận Quyết định số 33/QĐ-UBND của UBND xã T; Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 23/2/2012, của UBND huyện V, yêu cầu gia đình ông giao trả đất, để xây dựng trụ sở UBND xã T; Quyết định số 5020/QĐ-UBND của UBND huyện V công nhận Quyết định 423/QĐ-UBND với lý do đất của ông không đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất thu hồi 2.615,5m² (thửa số 233, 234); Quyết định số 3090/QĐ-UBND ngày 27/9/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai bác đơn khiếu nại của ông, công nhận nội dung giải quyết khiếu nại của Quyết định 5020/QĐ-UBND; và Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 13/01/2014 của UBND huyện V với nội dung hỗ trợ bổ sung về phần đất (diện tích đất 2.615.5m²) số tiền là 209.240.000đ và thưởng di dời 7.000.000đ, tổng cộng số tiền là 216.240.000đ.

Những quyết định trên đã làm thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi của gia đình ông, phản ánh không đúng sự thật về nguồn gốc đất, công sức, thời gian quản lý, sử dụng đất của gia đình ông, thu hồi, bồi thường không đúng quy định của pháp luật.

Việc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ xã, đến huyện, và tỉnh không xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông, đối với 07 thửa đất này là sai trái. Điều mâu thuẫn rõ ràng nhất, thể hiện trong việc xác minh quá trình quản lý, sử dụng đất của gia đình ông, cùng 01 cơ quan của UBND huyện V, nhưng xác minh lần thứ nhất thì công nhận nguồn gốc đất của gia đình ông và cho rằng ông có thực tế quản lý, sử dụng, nhưng lần sau thì lại nói là đất bỏ hoang, do UBND xã quản lý, sử dụng làm sân bóng từ sau giải phóng.

Việc thu hồi đất và bồi thường của UBND huyện V là không đúng quy định tại các Điều 38, 42 Luật đất đai năm 2003.

Việc bồi thường không đúng quy định, gây thiệt hại nghiêm trọng cho quyền lợi của gia đình ông, chính quyền địa phương phải căn cứ vào các quy định tại Thông tư 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009, để xác định đất của ông bị thu hồi là đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư nông thôn, để áp dụng chính sách bồi thường thỏa đáng.

Ông khởi kiện yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 13/01/2014 của UBND huyện V về việc phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường cho hộ ông (bà) Nguyễn Tấn D để thực hiện dự án xây dựng trụ sở UBND xã T, huyện V;

- Ngoài khoản tiền đã hỗ trợ 209.240.000đ và thưởng di dời 7.000.000đ, buộc UBND huyện V phải bồi thường cho ông số tiền bằng 35% giá đất trung bình, tại khu vực có đất thu hồi, theo quy định trong bảng giá đất của UBND tỉnh Đồng Nai tại Quyết định số 75/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 với số tiền 1.068.758.688đ, tổng cộng 1.277.998.688đ.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 3090/QĐ-UBND ngày 27/9/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tấn D.

Người bị kiện UBND huyện V trình bày:

- Nguồn gốc sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Đ và bà Lương Thị Nh:

Tổng diện tích đất bị thu hồi của ông Nguyễn Văn Đ là 2.615,5m², thuộc thửa số 233, tờ bản đồ địa chính số 27; trong đó thu hồi 2.364,5m² loại đất LNK, thuộc thửa số 754, tờ bản đồ địa chính số 27 và 251m² loại đất LUA, được đo gộp từ các thửa 437, 438, 439, 440, 441, 442, 443 tờ BĐDC số 11 (cũ), xã T, có nguồn gốc trước năm 1975 là hồ bơi, sân bóng và bãi tắm do chế độ cũ sử dụng. Sau năm 1975, toàn bộ diện tích đất trên được nhà nước quản lý, thể hiện tại hồ sơ đăng ký đất của ông Nguyễn Văn Đ năm 1984, là tạm giao sử dụng diện tích 3.495m².

- Quá trình sử dụng đất của ông Nguyễn Tấn D: vào ngày 03/8/2007, ông Nguyễn Tấn D đã được ông Nguyễn Văn Đ và bà Lương Thị Nh ủy quyền cho ông Nguyễn Tấn D đứng tên kê khai, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được toàn quyền quản lý, sử dụng, thế chấp, chuyển nhượng các thửa đất số 226 tờ 27 diện tích 233m²; thửa 233 tờ 27 diện tích 453 m²; theo hợp đồng ủy quyền số 933 quyền số 01, UBND xã xác nhận vào ngày 31/8/2007.

- Về thu hồi đất:

Ngày 17/10/2006, UBND xã có Thông báo số 51/TB.UBND về việc đề nghị giải phóng mặt bằng trả lại đất do UBND xã quản lý.

Ngày 19/10/2006, UBND xã T có biên bản giao Thông báo nêu trên cho ông Đ, kết quả tại buổi làm việc “*ông Nguyễn Văn Đ chấp hành với Thông báo của UBND xã giải phóng mặt bằng, bàn giao lại đất*”. Nhưng sau đó, gia đình ông lại không đồng ý và ủy quyền cho ông Nguyễn Tấn D khiếu nại.

UBND xã T đã giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 07/4/2009 và Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 18/8/2009 của Chủ tịch UBND huyện V, với nội dung bác khiếu nại của ông D, không xét đề nghị cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông D, với diện tích đất 5.798m² tại các thửa 233, 226, 227, 234, tờ bản đồ số 27 và thửa 58, tờ bản đồ số 28, xã T, lập năm 2006.

- Đối với nội dung yêu cầu hủy Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 13/01/2014 của UBND huyện V:

Ngày 01/02/2010, UBND huyện V ban hành Thông báo số 46/TB-UBND về việc thu hồi đất, cho phép khảo sát, đo đạc, lập dự toán đầu tư, xây dựng trụ sở

UBND xã T.

Ngày 23/02/2010, UBND huyện V ban hành Quyết định số 423/QĐ-UBND, về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông D, để thực hiện dự án xây dựng trụ sở UBND xã T; Theo đó, hộ ông D được bồi thường, hỗ trợ 4.760.000đ (gồm: 3.760.000đ tiền cây trồng, bồi thường giải phóng mặt bằng 1.000.000đ).

Không đồng ý với Quyết định trên, ông D khiếu nại.

Ngày 24/7/2012, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 5020/QĐ-UBND với nội dung: Không công nhận nội dung khiếu nại đề nghị bồi thường về đất của ông D; Tuy nhiên, xét quá trình sử dụng đất của ông D trong thời gian dài, nên UBND huyện có văn bản xin ý kiến UBND tỉnh hỗ trợ về đất cho hộ ông D, theo điểm b khoản 1 Điều 20 Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Ông D tiếp tục khiếu nại đến UBND tỉnh.

Ngày 29/7/2013, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 3090/QĐ-UBND, bác đơn khiếu nại của ông D và giao UBND huyện V xem xét hỗ trợ, cho hộ ông D đối với diện tích 2.615,5m² đất bị thu hồi, để thực hiện dự án xây dựng trụ sở UBND xã T.

Ngày 13/01/2014, UBND huyện ban hành Quyết định số 112/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông D. Ông D được hỗ trợ bổ sung số tiền 216.240.000đ.

Như vậy, UBND huyện ban hành Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 13/01/2014 về việc phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông D là đúng quy định.

- Đối với nội dung: Buộc UBND huyện ngoài các khoản đã hỗ trợ, còn phải bồi thường cho ông D phần tiền bằng 35% giá đất trung bình tại khu vực có đất thu hồi, với số tiền 1.068.758.688đ:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Các thửa đất 437, 438, 439, 440; 441, 442, 443 tờ BĐDC số 11 cũ, nay là các thửa đất số 225, 226, 227, 233, 234, tờ BĐDC số 27, xã T, có tổng diện tích là 5.798m² vào thời Pháp (giai đoạn 1954-1975) sử dụng làm sân tập bắn. Sau năm 1975, gia đình ông Nguyễn Văn Đ (cha ông Nguyễn Tấn D) phục hóa sử dụng. Vào khoảng năm 1985, Tập đoàn 1 có giao khoán diện tích đất này cho ông Nguyễn Văn Đ sử dụng trồng đậu, mía nhưng không hiệu quả nên ông Nguyễn Văn Đ bỏ hoang vài vụ. Cũng trong thời gian này, chính quyền xã B cũ có vận động ông Nguyễn Văn Đ giao lại đất để làm sân bóng đá cho thanh niên và ông Nguyễn Văn Đ đã đồng ý giao lại diện tích đất nói trên cho xã để làm sân bóng đá. Do xung quanh là ruộng lúa, khi đá bóng gây ảnh hưởng đến việc sản xuất, nên sân bóng không sử dụng được và ông Nguyễn Văn Đ đã sử dụng trồng tràm. Đến những năm 1997, UBND huyện đã sử dụng một phần làm bãi rác, sau khi không làm bãi rác, ông Nguyễn Văn Đ tiếp tục trồng tràm.

Năm 1984, thực hiện Quyết định số 201/CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý

ruộng đất trong cả nước, UBND xã B (nay là UBND xã T) tổ chức đăng ký kê khai sử dụng đất cho nhân dân địa phương. Tại sổ đăng ký đất lập năm 1984 đã thể hiện đất tạm giao cho ông Nguyễn Văn Đ. Đến năm 1994, ông Nguyễn Văn Đ có đơn đăng ký xin cấp GCNQSDĐ, nhưng Hội đồng xét duyệt đề nghị cấp giấy CNQSDĐ xã T không xét duyệt cấp chính thức. Lý do: Đất thuộc UBND xã quản lý, chỉ đề nghị tạm giao cho ông Nguyễn Văn Đ sản xuất (ông Nguyễn Văn Đ đã được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 7.836m² thuộc các thửa: 460, 459, 1119, 1133 tờ BĐĐC số 1 xã T).

Ngày 01/10/2006, UBND xã T có thông báo số 51/TB-UBND về việc đề nghị ông Nguyễn Văn Đ trả lại đất cho UBND xã T quản lý. Ông Đ đã đồng ý theo Thông báo số 51/TB-UBND, nhưng sau đó lại khiếu nại, đã bị bác khiếu nại.

Do các thửa đất 437, 438, 439, 440, 441, 442 443, tờ BĐĐC số 11 cũ, nay là các thửa đất số 225, 226, 227 233, 234, tờ BĐĐC số 27, xã T, tổng diện tích là 5.798m² có nguồn gốc là đất công, do UBND xã quản lý, nên không được xét đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi thu hồi đất sẽ không được bồi thường về đất mà chỉ được hỗ trợ.

Căn cứ khoản 2 Điều 6 Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định: *'Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường, trong khu dân cư thuộc thị trấn, khu dân cư nông thôn; thửa đất nông nghiệp tiếp giáp ranh giới phường ranh giới khu dân cư thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp còn được hỗ trợ bằng 35% giá đất ở trung bình của khu vực có đất thu hồi'*. Thửa đất số 225, 226, 227, 233, 234, tờ BĐĐC số 27, xã T của hộ ông Nguyễn Tấn D không được bồi thường về đất, nên không đủ điều kiện hỗ trợ đất nông nghiệp bằng 35% giá đất ở trung bình của khu vực có đất bị thu hồi.

Từ những nội dung trên, đề nghị Tòa án xét xử theo hướng bác yêu cầu của người khởi kiện.

Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai trình bày:

- Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, thu hồi đất: Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai thống nhất như trình bày của UBND huyện V.

- Về việc phê duyệt và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ:

Tổng kinh phí bồi thường cho ông Nguyễn Tấn D là 221.000.000đ được phê duyệt tại 02 quyết định. Cụ thể như sau:

Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 23/02/2012 của UBND huyện V phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền là 4.760.000đ (gồm 3.760.000đ tiền bồi thường 188 cây tràm và 1.000.000đ tiền thưởng di dời).

Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 13/01/2014, của UBND huyện phê duyệt bổ sung kinh phí hỗ trợ, với tổng số tiền là 216.240.000đ.

- Quá trình giải quyết khiếu nại: Không đồng ý với việc bồi thường hỗ trợ, ông D đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện V, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 5020/QĐ-UBND ngày 27/4/2012, bác đơn

đơn khiếu nại của ông D.

Ông D khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3090/QĐ-UBND ngày 27/9/2013, với nội dung: Bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tấn D, công nhận Quyết định giải quyết khiếu nại số 5020/QĐ-UBND ngày 27/4/2012 của Chủ tịch UBND huyện V là đúng quy định.

- Ý kiến về nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Tấn D:

+ Về nội dung yêu cầu hủy Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 13/01/2014 của UBND huyện V và Quyết định số 3090/QĐ-UBND ngày 27/9/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai:

Tại Điều 1 Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 07/4/2009 của UBND xã T về việc giải quyết khiếu nại đối với hộ ông Nguyễn Tấn D thể hiện: Không chấp thuận đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tấn D, không xét đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Tấn D, đối với các thửa đất số: 233, 226, 227, 234, tờ bản đồ địa chính số 27 và thửa đất số 58, tờ bản đồ địa chính số 28 xã T lập năm 2006.

Tại Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 18/8/2009 của UBND huyện V về việc giải quyết khiếu nại đối với hộ ông Nguyễn Tấn D đã nêu rõ: “Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 07/4/2009, của UBND xã T, về việc không xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Tấn D diện tích 5.798m² là đúng”.

Từ các nội dung nêu trên, căn cứ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 43 Luật đất đai năm 2003; khoản 7 Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 30/12/2007 của Chính phủ, thì trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì không đủ điều kiện được bồi thường khi thu hồi đất.

Do đó, việc UBND huyện V ban hành Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 23/02/2012, về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất (không bồi thường về đất) là đúng quy định.

Ngày 27/9/2013, UBND tỉnh đã có quyết định giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 3090/QĐ-UBND, với nội dung bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tấn D, nhưng có giao UBND huyện V xem xét lại, việc gia đình ông Nguyễn Tấn D có công gìn giữ, tôn tạo đối với diện tích đất bị thu hồi, để xem xét hỗ trợ bổ sung theo quy định.

- Ngày 11/12/2013, UBND huyện V đã có Văn bản số 4854/UBND-NC chấp thuận giải quyết hỗ trợ về đất cho gia đình ông Nguyễn Tấn D như đối với trường hợp sử dụng đất do lấn, chiếm trước ngày 01/07/2004, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của UBND tỉnh: “Trường hợp sử dụng đất nông nghiệp thì được hỗ trợ bằng giá bồi thường đất nông nghiệp theo hiện trạng sử dụng đất ổn định, được UBND tỉnh quy định tại thời điểm hỗ trợ, đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp, thực tế bị thu hồi, nhưng không vượt quá hạn mức diện tích giao đất nông nghiệp, quy định tại Điều 70 Luật đất đai năm 2003” và UBND huyện V cũng đã phê duyệt phương án hỗ trợ bổ sung tại Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 13/1/2014 (hỗ trợ về đất:

$2.615,5m^2 \times 80.000 \text{ đ/m}^2 = 209.240.000\text{đ}$).

Mặc dù hộ ông Nguyễn Tấn D không đủ điều kiện để được bồi thường về đất, nhưng UBND tỉnh, UBND huyện V đã xem xét đến việc gia đình ông D có công gìn giữ, tôn tạo đất, đã giải quyết việc hỗ trợ bổ sung về đất, để đảm bảo ổn định đời sống cho gia đình ông Nguyễn Tấn D.

Vì những lẽ trên, việc ông Nguyễn Tấn D yêu cầu hủy Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 13/01/2014 của UBND huyện V và Quyết định số 3090/QĐ-UBND ngày 27/9/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai là không có cơ sở.

- Về việc ông D yêu cầu hỗ trợ 35% giá đất trung bình của khu vực đất thu hồi đối với toàn bộ diện tích đất bị thu hồi:

Do hộ ông D không đủ điều kiện để được bồi thường đất, mà chỉ được hỗ trợ đối với $2.615,5m^2$ đất thu hồi để thực hiện dự án. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của UBND tỉnh, thì hộ ông Nguyễn Tấn D không đủ điều kiện để được hỗ trợ bằng 35% giá đất trung bình ở khu vực bị thu hồi.

Do vậy, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch UBND huyện V trình bày:

Về trình tự, thủ tục thu hồi đất, nguồn gốc và quá trình sử dụng đất thống nhất như trình bày của UBND huyện V.

UBND huyện V ban hành Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 23/02/2010, bồi thường, hỗ trợ 4.760.000đ cho hộ ông D (gồm: 3.760.000đ tiền cây trồng, bồi thường giải phóng mặt bằng 1.000.000đ). Do đất thuộc quản lý của UBND xã, ông Đ (cha ông D) tự nguyện bàn giao theo Thông báo, nên không được bồi thường mà chỉ hỗ trợ. Không đồng ý với Quyết định trên, ông D khiếu nại.

Ngày 24/7/2012, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 5020/QĐ-UBND với nội dung: Không công nhận nội dung khiếu nại đề nghị bồi thường về đất của ông D; Tuy nhiên, xét quá trình sử dụng đất của ông D trong thời gian dài, nên UBND huyện có văn bản xin ý kiến UBND tỉnh hỗ trợ về đất cho hộ ông D, theo điểm b khoản 1 Điều 20 Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Việc Chủ tịch UBND huyện V ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là đúng thẩm quyền, có xem xét kiến nghị UBND tỉnh hỗ trợ bổ sung về đất cho gia đình ông D là đúng qui định. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của hộ ông D.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2018/HC-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Áp dụng Điều 38, 43, 44, 103 Luật đất đai 2003; Điều 20 Quyết định 25/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn D về việc cầu hủy Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 13/01/2014 của UBND huyện V về việc phê duyệt bổ sung

kinh phí bồi thường cho hộ ông (bà) Nguyễn Tấn D để thực hiện dự án xây dựng trụ sở UBND xã T, huyện V và Quyết định số 3090/QĐ-UBND ngày 27/9/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tấn D.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo quy định pháp luật.

Ngày 03/12/2018, người khởi kiện ông Nguyễn Tấn D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 06/12/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai có kháng nghị đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Tấn D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện V, Chủ tịch UBND huyện V đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Tấn D; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên kháng nghị và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung giải quyết: Trong vụ án, ông Nguyễn Văn Đ và bà Lương Thị Nh là người có đất bị thu hồi. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Nguyễn Tấn D là người khởi kiện là không đúng quy định pháp luật. Theo giấy ủy quyền ngày 04/01/2009, ông Đ, bà Nh ủy quyền cho ông D khởi kiện tại Tòa án nhưng nay ông Đ đã chết; việc ủy quyền đã chấm dứt nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn chấp nhận và xác định ông D là người khởi kiện là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai; hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quyết định kháng nghị số 385/QĐ-VKS-HC của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai và đơn kháng cáo của ông Nguyễn Tấn D làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, UBND huyện V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch UBND huyện V vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 26/11/2014, ông Nguyễn Tấn D khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 13/01/2014 của UBND huyện V về việc phê duyệt kinh phí bồi thường bổ sung cho hộ ông Nguyễn Tấn D để thực hiện dự án xây dựng trụ sở UBND xã T.

Ngày 31/12/2014, ông D có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 3433/QĐ-UBND ngày 09/12/2008 của UBND huyện V và Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 07/4/2009 của UBND xã T giải quyết khiếu nại về việc không xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 23/02/2012 của UBND huyện V về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án xây dựng trụ sở UBND xã T.

Ngày 31/7/2015, ông D có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 3090/QĐ-UBND ngày 27/9/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc giải quyết khiếu nại liên quan đến bồi thường khi nhà nước thu hồi đất.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định Quyết định số 3433/QĐ-UBND ngày 09/12/2008 của UBND huyện V và Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 07/4/2009 của UBND xã T giải quyết khiếu nại về việc không xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã hết thời hiệu khởi kiện nên không thụ lý giải quyết là đúng với quy định tại Điều 104, 109 Luật hành chính năm 2010.

Như vậy, theo nội dung các đơn khởi kiện thì ông D còn yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 23/02/2012 của UBND huyện V về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án xây dựng trụ sở UBND xã T; Quyết định số 3090/QĐ-UBND ngày 27/9/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc giải quyết khiếu nại liên quan đến bồi thường khi nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 13/01/2014 của UBND huyện V về việc phê duyệt kinh phí bồi thường bổ sung cho hộ ông Nguyễn Tấn D để thực hiện dự án xây dựng trụ sở UBND xã T. Quá trình xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ giải quyết đối với Quyết định số 3090/QĐ-UBND và Quyết định số 112/QĐ-UBND là có thiếu sót. Hơn nữa, mặc dù Quyết định số 3090/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại (lần 2) có nội dung giữ nguyên Quyết định số 423/QĐ-UBND và Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 5020/QĐ-UBND ngày 24/7/2012 của Chủ tịch UBND huyện V. Tuy nhiên theo quy định tại Điều 193 Luật tổ tụng hành chính 2015 thì khi xem xét Quyết định số 3090/QĐ-UBND, Tòa án cần phải xem xét cả các quyết định hành chính có liên quan, cụ thể trong trường hợp này là Quyết định số 423/QĐ-UBND và Quyết định số 5020/QĐ-UBND.

[2.2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Nguồn gốc diện tích đất bị thu hồi trước đây do ông Nguyễn Văn Đ và bà Lương Thị Nh sử dụng; sau đó ủy quyền cho con là ông Nguyễn Tấn D kê khai, đăng ký và sử dụng. Ông D là người trong hộ gia đình ông Đ, trực tiếp cùng ông Đ, bà Nh canh tác trên đất, khiếu nại việc đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi nhà nước thu hồi đất, ông D là người khiếu nại và được giải quyết. Các quyết định ông D khởi kiện gồm Quyết định số 423/QĐ-UBND, Quyết định số

3090/QĐ-UBND và Quyết định số 112/QĐ-UBND đều xác định chủ thể được giải quyết là hộ ông Nguyễn Tấn D.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai kháng nghị cho rằng ông Đ, bà Nh mới là người có đất bị thu hồi, ông D không có quyền khởi kiện nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án là không có căn cứ, không đúng quy định pháp luật.

[2.3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Tấn D yêu cầu hủy các quyết định bồi thường khi thu hồi đất và quyết định giải quyết khiếu nại:

Phần đất UBND huyện V thu hồi của hộ ông D để xây dựng trụ sở UBND xã T có diện tích 2.625,5m² thuộc thửa đất số 233 và một phần thửa số 754, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp 2, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Phía người bị kiện thừa nhận diện tích đất trên nằm trong tổng diện tích 5.798m² hiện nay thuộc các thửa 225, 226, 227, 233, 234, tờ bản đồ số 27, có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn Đ và Lương Thị Nh sử dụng nhưng đến năm 1985 thì đưa vào Tập đoàn sản xuất và giao cho ông Đ canh tác; sau đó do canh tác không hiệu quả nên vận động ông Đ giao lại để xã làm sân bóng đá; năm 1997 sử dụng làm bãi rác được một thời gian thì không tiếp tục sử dụng và để cho ông Đ tạm canh tác; vì vậy, ông Đ không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.

Xét thấy, các hộ dân canh tác liền kề phần đất này như ông Nguyễn Văn Lữ, ông Nguyễn Minh Hải, ông Trần Khôi Nguyên có lời trình bày xác định trước và sau năm 1975 diện tích đất này đều do gia đình ông Nguyễn Văn Đ sử dụng, việc có đưa phần đất này vào tập đoàn sản xuất hay không các ông không rõ (BL463-466). Ông Trương Văn B là Tập đoàn trưởng của Tập đoàn 1 lúc bấy giờ có lời khai xác định đất của ông Đ sử dụng có đưa vào Tập đoàn nhưng do đất xấu nên sau đó không chia cấp cho thành viên nào mà giao lại cho gia đình ông Đ quản lý, sử dụng. Người bị kiện không cung cấp được quyết định, giấy xác nhận về việc đưa diện tích đất 5.798m², trong đó có 2.625,5m² bị thu hồi vào Tập đoàn sản xuất năm 1985. Đồng thời cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc UBND xã T tạm giao cho gia đình ông Nguyễn Văn Đ sử dụng như đã trình bày. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào biên bản làm việc ngày 19/10/2006 thể hiện ông Đ đồng ý giao trả đất, đề nghị được nhận chữa lại 300m² để mở đường tưới nước; từ đó xác định diện tích đất nêu trên UBND xã T quản lý, cho ông Đ mượn tạm để sử dụng là chưa đủ căn cứ.

UBND xã T, UBND huyện V cho rằng sau khi Tập đoàn 1 tan rã thì diện tích đất trên được giao cho UBND xã T quản lý, làm sân bóng, bãi rác nhưng cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc có kê khai, đăng ký và sử dụng phần diện tích đất này. Theo sổ mục kê đất xã T, quyển số 2 thì các thửa đất số 437, 438, 439, 440, 441, 442, 443, tờ bản đồ số 11 cũ (nay là các thửa 225, 226, 227, 233, 234, tờ bản đồ số 27) không thể hiện người đứng tên đăng ký, sử dụng. Tại biên bản làm việc ngày 26/3/2007 và 04/4/2007 (BL449-451), ông Nguyễn Thanh Sang – công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V, ông Đỗ Minh Nhựt – cán bộ địa chính xã T đều xác định UBND xã T không đăng ký kê khai đối với diện tích đất 5.798m², tờ bản đồ số 11. Tại biên bản cuộc họp 04 bên ngày

09/7/2008 gồm Thường trực Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Thường trực UBND và Thường trực Mặt trận tổ quốc xã T (BL480-481) cũng xác định: *“Toàn bộ đất công của xã đang quản lý từ trước đến nay cũng không có đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền cấp sổ đỏ theo diện đất công để quản lý chặt chẽ (do không được sự chỉ đạo của cấp trên)”*. Ngoài ra, quá trình giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 5.798m², UBND huyện V ban hành Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 13/8/2007 có nội dung xác định: *“trên sổ mục kê UBND xã T không đăng ký kê khai”* nên chấp thuận đơn khiếu nại của vợ chồng ông Đ, bà Nh. Sau đó, UBND huyện V ban hành Quyết định số 3433/QĐ-UBND ngày 09/12/2008 thu hồi lại Quyết định số 1507/QĐ-UBND với lý do kết quả xác minh lại thể hiện diện tích 5.798m² là đất công do xã quản lý. Tuy nhiên, thực tế không có tài liệu, chứng cứ chứng minh UBND xã T quản lý, sử dụng như đã phân tích ở trên.

Trong khi đó phần diện tích đất 5.798m² (bao gồm phần đất bị thu hồi) hộ gia đình ông Nguyễn Tấn D (trước là ông Nguyễn Văn Đ) là người trực tiếp sử dụng từ năm 1975 đến nay. Quá trình sử dụng, hộ gia đình ông D không bị lập biên bản vi phạm hành chính hay xử phạt hành chính về hành vi lấn chiếm; không bị khiếu nại, khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất.

Xét quá trình sử dụng đất thì hộ gia đình ông Nguyễn Tấn D đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bồi thường về đất khi bị nhà nước thu hồi theo quy định của Điều 42, Điều 50 Luật Đất đai năm 2003.

Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 23/02/2012 của UBND huyện V chỉ bồi thường hỗ trợ giá trị cây trồng trên đất cho gia đình ông D; Quyết định số 5020/QĐ-UBND ngày 24/7/2012 của Chủ tịch UBND huyện V và Quyết định số 3090/QĐ-UBND ngày 27/9/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai giải quyết khiếu nại, giữ nguyên Quyết định số 423/QĐ-UBND là không đúng với quy định pháp luật như Hội đồng xét xử đã phân tích ở trên.

Sau khi rà soát lại quá trình sử dụng đất của hộ gia đình ông D, nhận thấy gia đình ông D có quá trình sử dụng đất lâu dài, có công trong việc quản lý nên ngày 13/01/2014 UBND huyện V ban hành Quyết định số 112/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí bồi thường bổ sung giá trị đất nông nghiệp cho hộ gia đình ông D; không đồng ý yêu cầu hỗ trợ khi thu hồi đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư với lý do hộ ông D không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hội đồng xét xử xét thấy hộ gia đình ông D đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã phân tích ở trên. Diện tích đất thu hồi của hộ ông D là đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư. Theo Điều 10 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thì: *“Đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư, đất vườn ao liền kề trong khu dân cư, ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp cùng mục đích sử dụng còn được hỗ trợ bằng tiền; giá tính hỗ trợ bằng 20 đến 50% giá đất ở liền kề; mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phù hợp với thực tế tại địa phương”*. Do đó, ông Nguyễn Tấn D yêu cầu được hỗ trợ đối với trường hợp thu hồi đất đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của ông

Nguyễn Tấn D có cơ sở chấp nhận. Cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn D; hủy Quyết định số 423/QĐ-UBND, Quyết định số 3090/QĐ-UBND và Quyết định số 112/QĐ-UBND.

Do hủy Quyết định số 3090/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc giải quyết khiếu nại lần hai nên cần thiết phải hủy Quyết định số 5020/QĐ-UBND ngày 24/7/2012 của Chủ tịch UBND huyện V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu để đảm bảo xem xét vụ án hành chính toàn diện, triệt để.

UBND huyện V thực hiện lại việc bồi thường khi thu hồi đất cho hộ ông Nguyễn Tấn D theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Tấn D không phải chịu. Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai, UBND huyện V mỗi người phải chịu 300.000 đồng.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Tấn D không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính; Điều 42, 50 Luật Đất đai 2003; Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 385/QĐ-VKS-HC ngày 06/12/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Tấn D. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2018/HC-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn D.

1/. Hủy các quyết định hành chính sau:

- Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 23/02/2012 của UBND huyện V về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Nguyễn Tấn D ngụ tại ấp 1, xã T do thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng trụ sở UBND xã T, huyện V;

- Quyết định số 5020/QĐ-UBND ngày 24/7/2012 của Chủ tịch UBND huyện V về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tấn D ngụ ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (Lần đầu);

- Quyết định số 3090/QĐ-UBND ngày 27/9/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tấn D ngụ ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (Lần hai);

- Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 13/01/2014 của UBND huyện V về việc phê duyệt kinh phí bồi thường cho hộ ông (bà) Nguyễn Tấn D ngụ tại ấp 1, xã T để thực hiện dự án xây dựng trụ sở UBND xã T, huyện V;

2/. Buộc UBND huyện V, tỉnh Đồng Nai thực hiện lại việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng trụ sở UBND xã T, huyện V cho hộ ông Nguyễn Tấn D.

3/. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai, UBND huyện V mỗi người phải chịu 200.000 đồng.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Tấn D 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 001486 ngày 01/12/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Hoàn lại cho ông Nguyễn Tấn D 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 005174 ngày 12/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

4/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Nhựt Bình

Mai Thị Tú Oanh

Hoàng Thanh Dũng

